

KẾ HOẠCH
Thực hiện công tác giảm nghèo bền vững năm 2025
trên địa bàn huyện Na Rì

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 04/8/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3988/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Na Rì về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 15/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Na Rì về vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 24/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về thực hiện công tác giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Ủy ban nhân dân huyện Na Rì xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn huyện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) giảm nghèo bền vững, các chính sách hỗ trợ giảm nghèo thường xuyên và mục tiêu giảm nghèo đa chiều, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo ổn định cuộc sống, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin, nâng cao chất lượng đời sống cho người dân.

2. Yêu cầu

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được phân bổ, huy động, lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện hoàn thành mục tiêu chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

- Giảm nghèo bền vững, không chạy theo thành tích; tập trung nguồn lực hỗ trợ cho các hộ đăng ký thoát nghèo và các hộ có khả năng thoát nghèo bền vững; công khai, minh bạch các nguồn lực hỗ trợ.

- Các đơn vị liên quan tập trung xây dựng và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch giảm nghèo, thường xuyên phối hợp, kịp thời tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

- Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 3,5% (*tương đương 361 hộ*) trở lên theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (*theo biểu chi tiết kèm theo*); Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm trên 3%/năm.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu vay vốn được vay vốn phát triển sản xuất;

- 100% người nghèo được cấp thẻ BHYT khám chữa bệnh miễn phí;

- Giải quyết việc làm cho 750 lao động (trong đó xuất khẩu lao động 80 người);

- 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo nghề phù hợp;

- Trên 70% hộ nghèo, hộ cận nghèo được dùng nước sạch trong sinh hoạt; ít nhất 65% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh;

- Hỗ trợ khoảng 477 hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện được hỗ trợ nhà ở đảm bảo chất lượng;

- Phần đầu 95% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet;

- Trên 98% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia;

- Trợ giúp pháp lý 100% cho người nghèo có nhu cầu hỗ trợ;

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế: Trên 98%.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Thực hiện các chính sách giảm nghèo thường xuyên

Các cấp, các ngành trên địa bàn huyện triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách giảm nghèo thường xuyên như chính sách đào tạo nghề, tạo việc làm, tín dụng ưu đãi, hỗ trợ về giáo dục, đào tạo, y tế, nhà ở, điện, nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường, trợ giúp pháp lý cho người nghèo, cận nghèo.... đến người dân, đảm bảo hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các hộ chính sách khác được hưởng đầy đủ các chính sách hỗ trợ của nhà nước.

2. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

2.1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- Triển khai thực hiện 15 mô hình, dự án đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình giảm nghèo, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất tại 10 xã để tạo việc làm, sinh kế bền vững, có thu nhập tốt cho hộ

nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Chủ yếu phát triển các mô hình về chăn nuôi, cây trồng.

- Kế hoạch vốn thực hiện: 5.544,61 triệu đồng, trong đó:

- + Ngân sách trung ương: 5.378,39 triệu đồng.

- + Ngân sách địa phương: 166,22 triệu đồng.

- Đơn vị thực hiện: UBND các xã, thị trấn làm chủ đầu tư; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn liên quan, Ủy ban nhân dân các xã tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2.2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Triển khai 09 mô hình, dự án hỗ trợ chăn nuôi, cây trồng, thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định thực hiện tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Kế hoạch vốn thực hiện: 4.124,51 triệu đồng, trong đó:

- + Ngân sách trung ương: 4.000,78 triệu đồng.

- + Ngân sách địa phương: 123,73 triệu đồng.

- Đơn vị thực hiện: UBND các xã, thị trấn và Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện làm chủ đầu tư; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện chủ trì, phối hợp với các phòng ban chuyên môn liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- Thực hiện hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo trên địa bàn huyện.

- Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

- Kế hoạch vốn thực hiện: 350,2 triệu đồng, trong đó:

- + Ngân sách trung ương: 340 triệu đồng.

- + Ngân sách địa phương: 10,2 triệu đồng.

- Đơn vị thực hiện: Trung tâm Y tế huyện chủ trì phối hợp với các phòng ban liên quan của huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2.3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp; Tổ chức khảo sát và đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người có thu nhập thấp, dự kiến trong năm 2025 đào tạo nghề cho 140 học viên có nhu cầu đào tạo.

Kế hoạch vốn thực hiện: 1.675,68 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 1.625,41 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương: 50,27 triệu đồng.

- Đơn vị thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

b) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Tổ chức tuyên truyền phổ biến thông tin thị trường lao động cho người lao động; Tổ chức rà soát, thu thập thông tin thị trường lao động trên địa bàn huyện theo quy định; Phối hợp với Sở Lao động - TB&XH tỉnh Bắc Kạn cập nhật thông tin, dự báo thị trường lao động năm 2025.

Kế hoạch vốn thực hiện: 309 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 300 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương: 09 triệu đồng.

- Đơn vị thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2.4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông: Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền.

Kế hoạch vốn thực hiện: 60 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 59 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương: 01 triệu đồng.

- Đơn vị thực hiện: Phòng Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo theo quy định.

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo.

- Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; biểu dương, khen thưởng đối với các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo phấn đấu và có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông, định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.

- Tổ chức các hoạt động đối thoại về chính sách giảm nghèo ở cấp cơ sở.

Kế hoạch vốn thực hiện: 293 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 284 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương: 09 triệu đồng.

- Đơn vị thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, Trung tâm Văn hóa, thể thao và Truyền thông huyện, UBND các xã, thị trấn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2.5. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn.

- Tổ chức học tập trao đổi kinh nghiệm; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

Kế hoạch vốn thực hiện: 939 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 912 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương: 27 triệu đồng.

- Đơn vị thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, UBND các xã, thị trấn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo theo quy định.

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

Tổ chức kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất; rà soát hộ nghèo, hộ

cận nghèo, hộ có mức sống trung bình hằng năm; ứng dụng phần mềm quản lý dữ liệu hộ nghèo ở các cấp.

Kế hoạch vốn thực hiện: 435 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 422 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương: 13 triệu đồng.

- Đơn vị thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, UBND các xã, thị trấn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo theo quy định.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững phân bổ năm 2025.

2. Lồng ghép kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các chương trình dự án khác trên địa bàn huyện.

3. Nguồn vốn tín dụng của Ngân hàng chính sách xã hội.

4. Huy động nguồn lực xã hội hóa từ đóng góp của các cá nhân, tổ chức, đơn vị và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

IV. GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tuyên truyền

- Tăng cường sự lãnh đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể trong việc thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo; gắn trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị, địa phương với mục tiêu giảm nghèo. Các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo cụ thể, thiết thực, tập trung các giải pháp tác động trực tiếp đến thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo; phân công các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trực tiếp theo dõi, truyền truyền, tư vấn, giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể thực hiện kế hoạch thoát nghèo.

- Đa dạng hóa các hình thức truyền thông để người dân nắm được các thông tin của Đảng và Nhà nước về Chương trình giảm nghèo; tình hình kinh tế, chính trị của địa phương, các mô hình sản xuất hiệu quả, các gương điển hình đăng ký thoát nghèo. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền về giảm nghèo cho người dân sinh sống tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn về công tác giảm nghèo.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể tiếp tục tổ chức và thực hiện tốt cuộc vận động “ Vì người nghèo”, phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”, vận động, tiếp nhận và sử dụng hiệu quả Quỹ “Vì người nghèo” các cấp, tạo nguồn lực thực hiện công tác giảm nghèo; chủ động giám sát công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện.

2. Thực hiện Chương trình giảm nghèo và các chính sách giảm nghèo

- Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, đầu tư trọng tâm, trọng điểm phù hợp với quy hoạch, tiềm năng của địa phương để đạt được mục tiêu của Chương trình; xây dựng và phát triển các mô hình sinh kế, dự án giảm nghèo, giải quyết việc làm nâng cao thu nhập cho người dân; tổ chức đánh giá kết quả thực hiện các mô hình, dự án giảm nghèo để kịp thời khắc phục những tồn tại hạn chế, nhân rộng các cách làm hay, mô hình hiệu quả. Tiếp tục triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ giảm nghèo thường xuyên, tạo điều kiện giúp đỡ người nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, việc làm, nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường, thông tin và các dịch vụ xã hội khác).

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo có khó khăn về nhà ở giai đoạn 2021-2025.

3. Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực thực hiện Chương trình giảm nghèo

Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn được phân bổ theo đúng mục tiêu của Chương trình, lồng ghép với các nguồn vốn khác để thực hiện mục tiêu giảm nghèo; tích cực xã hội hóa, vận động, huy động các đơn vị, doanh nghiệp tham gia giúp đỡ hộ nghèo và các đối tượng xã hội yếu thế; công khai, minh bạch các nguồn vốn, thực hiện theo thứ tự ưu tiên, không dàn trải.

4. Nâng cao năng lực, kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình giảm nghèo

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác giảm nghèo từ cấp huyện đến cấp thôn, trong đó chú trọng các nội dung của Chương trình giảm nghèo, hướng dẫn thực hiện các mô hình, dự án giảm nghèo, đảm bảo thực hiện đúng quy trình, kỹ thuật, liên kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm.

Thực hiện tốt công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025, xây dựng đội ngũ rà soát viên có chất lượng để tổ chức thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo kết quả chính xác, đúng thực trạng của địa phương.

Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, các cấp chủ động chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác tổ chức thực hiện để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; đồng thời phát hiện, ngăn chặn kịp thời các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm liên quan đến việc thực hiện chương trình, chính sách hỗ trợ giảm nghèo. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện; biểu dương khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong thực hiện công tác giảm nghèo.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - TB&XH huyện

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và các đoàn thể tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đã đề ra. Thực hiện các chính sách giải quyết việc làm, dạy nghề, tư vấn tạo việc làm, xuất khẩu lao động, dự án 2, dự án 4, tiểu dự án 2 thuộc dự án 6 và dự án 7 của kế hoạch.

- Phối hợp với các phòng, ban ngành và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức thực hiện các nội dung trong kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện các chính sách giảm nghèo và tổng hợp báo cáo UBND huyện, Sở Lao động - TB&XH theo quy định.

- Phối hợp với các phòng, ban ngành liên quan xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình giảm nghèo; tham mưu thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện:

Chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan đơn vị liên quan cân đối, tham mưu bố trí kinh phí chi sự nghiệp từ nguồn ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình giảm nghèo theo kế hoạch; Thực hiện phân bổ kinh phí của Chương trình giảm nghèo theo quy định.

Hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định của Nhà nước.

3. Văn phòng HĐND - UBND huyện:

- Chủ trì, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ về bảo hiểm y tế đối với người nghèo, người cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

- Chủ trì, phối hợp với các ban ngành của huyện và UBND các xã, thị trấn triển khai lồng ghép có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện.

4. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện:

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, tăng thu nhập đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo ở các xã, thị trấn.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan triển khai thực hiện tiểu dự án 1 thuộc dự án 3 của kế hoạch; phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn định hướng, hướng dẫn người dân lựa chọn các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và hộ gia đình; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình giảm nghèo, báo cáo kết quả về UBND huyện và cơ quan thường trực của Chương trình Giảm nghèo theo quy định.

5. Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện:

Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách tín dụng của nhà nước đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách, hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở xã, thôn bản đặc biệt khó khăn. Vốn vay xuất khẩu lao động, giải quyết việc làm.

6. Trung tâm Y tế huyện: Chủ trì, tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ y tế, tiểu dự án 2 thuộc dự án 3 của kế hoạch; Làm tốt công tác khám chữa bệnh từ tuyến huyện đến cơ sở để phục vụ tốt công tác khám, chữa bệnh cho các đối tượng chính sách xã hội, trong đó có đối tượng là người nghèo và hộ cận nghèo.

7. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện: Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan thực hiện chính sách hỗ trợ giáo dục, đào tạo cho học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

8. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện

- Chủ trì, hướng dẫn tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo.
- Thực hiện chính sách kinh doanh, dịch vụ, xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, quảng bá giới thiệu sản phẩm hàng hóa của nhân dân trong huyện.

9. Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa thể thao và Truyền thông huyện

- Chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện dự án 6 của kế hoạch.
- Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về công tác giảm nghèo. Tuyên truyền, giới thiệu các mô hình giảm nghèo hiệu quả, các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến, các tấm gương tiêu biểu trong công tác giảm nghèo.

10. Phòng Tư pháp huyện: Chủ trì, hướng dẫn các chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người dân tộc thiểu số thuộc diện người được trợ giúp pháp lý trên địa bàn huyện.

11. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện

Chủ trì, phối hợp với UBND xã, thị trấn thực hiện tốt công tác đào tạo nghề cho người lao động là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp, hộ dân tộc thiểu số có nhu cầu đào tạo nghề trên địa bàn huyện.

12. UBMTTQ và các tổ chức đoàn thể huyện: Đề nghị Ủy ban MTTQ huyện, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh huyện theo chức năng nhiệm vụ của mình phối hợp với chính quyền các cấp tổ chức thực hiện kế hoạch, thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình thực hiện công tác giảm nghèo tại các phòng ban chuyên môn huyện và các xã, thị trấn theo quy định; vận động các thành viên, hội viên của mình tích cực tham gia vào công tác giảm nghèo bền vững của địa phương, vận động các nguồn vốn xã hội hóa cho công tác giảm nghèo.

13. Các Thành viên Ban Chỉ đạo giảm nghèo: Tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch, trên cơ sở quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia của huyện, các thành viên BCD chủ động bám sát địa

bàn được phân công phụ trách để theo dõi, tham gia đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác giảm nghèo theo kế hoạch.

14. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Chủ trì thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc dự án 2, tiểu dự án 1 - dự án 3, tiểu dự án 2 - dự án 6 và dự án 7 của kế hoạch.

- Xây dựng kế hoạch giảm nghèo năm 2025 trên cơ sở kế hoạch của huyện; đăng ký mục tiêu phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo căn cứ chỉ tiêu của huyện giao (*có biểu chi tiết kèm theo*). Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách giảm nghèo đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Khuyến khích các địa phương chủ động bố trí, cân đối nguồn ngân sách, vận động xã hội hóa để thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo thoát nghèo bền vững. Phân công các thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách các thôn, bản, tổ nhân dân; cử công chức chuyên môn theo dõi thực hiện chương trình. Kế hoạch giảm nghèo bền vững năm 2025 gửi về Ủy ban nhân dân huyện (***qua cơ quan chủ quản chương trình***) trước ngày **14/3/2025** để tổng hợp theo dõi.

- Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, mô hình giảm nghèo để giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo và nhân rộng ra các nhóm hộ nghèo khác trên địa bàn và địa phương khác.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2025 theo định kỳ và thường xuyên đảm bảo chính xác, kịp thời; xác định rõ nguyên nhân nghèo để có giải pháp hỗ trợ, giúp đỡ phù hợp, hiệu quả; theo dõi, quản lý cơ sở dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo đầy đủ, đúng quy định.

- Tổ chức đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện công tác giảm nghèo, báo cáo giám sát theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo năm 2025 trên địa bàn huyện Na Rì. Ủy ban nhân dân huyện Na Rì yêu cầu các đơn vị chỉ đạo sát sao, thực hiện nghiêm túc và hiệu quả công tác giảm nghèo đã được phân công./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Sở Lao động-TB&XH tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, HĐND huyện (b/c);
- CT, PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Các TT: VH&TT, GD&ĐT huyện;
- Thành viên BCĐ các CT MTQG huyện;
- Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Cương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NA RÌ**

MỤC TIÊU PHÂN ĐẦU GIẢM TỶ LỆ HỘ NGHÈO NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 13/02/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Na Rì)

TT	Đơn vị	Tổng số hộ dân cư đầu năm 2025 (hộ)	Tổng số hộ nghèo đầu năm 2025 (hộ)	Tỷ lệ hộ nghèo đầu năm 2025 (%)	Mục tiêu phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2025		
					Giảm số hộ nghèo (hộ)	Giảm tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2025
1	Thị trấn Yên Lạc	1.337	108	8,08	15	1,12	6,96
2	Xã Kim Hỷ	413	173	41,89	20	4,84	37,05
3	Xã Lương Thượng	473	147	31,08	15	3,17	27,91
4	Xã Văn Lang	736	233	31,66	36	4,89	26,77
5	Xã Sơn Thành	775	276	35,61	25	3,23	32,39
6	Xã Văn Vũ	669	322	48,13	40	5,98	42,15
7	Xã Cường Lợi	613	68	11,09	10	1,63	9,46
8	Xã Kim Lư	648	64	9,88	10	1,54	8,33
9	Xã Văn Minh	299	85	28,43	10	3,34	25,08
10	Xã Cư Lễ	560	241	43,04	30	5,36	37,68
11	Xã Trần Phú	741	226	30,50	35	4,72	25,78
12	Xã Quang Phong	401	121	30,17	15	3,74	26,43
13	Xã Côn Minh	689	88	12,77	10	1,45	11,32
14	Xã Đồng Xá	686	300	43,73	30	4,37	39,36
15	Xã Liêm Thủy	312	102	32,69	15	4,81	27,88
16	Xã Xuân Dương	541	234	43,25	25	4,62	38,63
17	Xã Dương Sơn	414	189	45,65	20	4,83	40,82
	Tổng cộng	10.307	2.977	28,88	361	3,50	25,38